

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **15/2022/DS-ST**

Ngày: 02/8/2022

V/v “*Tranh chấp hợp
đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng

2. Bà Trương Thị Minh Lợi

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát viên

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2022/TLST-DS, ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐST-DS, ngày 24/6/2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST-DS ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Bình Thuận, đại diện: ông Vũ Quang L – Chủ tịch HĐQT, đại diện theo ủy quyền ông Phan Văn Đ – Giám đốc; Địa chỉ: số 67 – 67A đường Trần Hưng Đạo, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Thuận. Ông Định ủy quyền lại cho bà Lâm Lưu Hà M– Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

2. Bị đơn: ông Nguyễn Trọng Tr, sinh năm 1996 và bà Đặng Thị N, sinh năm 1997; Địa chỉ: số 156 đường Lý Thường Kiệt, thị trấn C, huyện T, Bình Thuận;

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 8 năm 2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Bình Thuận có ký hợp đồng tín dụng với khách hàng ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N gồm các khoản vay như sau :

- Hợp đồng tín dụng số 99/2020/HĐTDTNLH-CN ngày 07/7/2020. Tổng số tiền vay 1.500.000.000đồng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 07/7/2020 đến ngày 06/7/2021, mục đích sử dụng vốn vay : Bổ sung vốn kinh doanh mua bán

laphong, sàn gỗ. Kế hoạch trả nợ : Trả nợ lãi 01 tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng ; Trả nợ gốc cuối kỳ, chậm nhất là trả vào ngày 06/7/2021.

- Hợp đồng tín dụng số 104/2020/HĐTDTNLH-CN ngày 07/7/2020. Tổng số tiền vay 1.000.000.000đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 07/7/2020 đến ngày 06/7/2025, mục đích sử dụng vốn vay : Bù đắp chi phí chuyển nhượng đất ở. Kế hoạch trả nợ : Trả nợ lãi 01 tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng ; Trả nợ gốc được chia làm 05 kỳ hạn trả nợ, mỗi kỳ hạn trả nợ là 12 tháng.

- Hợp đồng tín dụng số 10/2021/HĐTDTNLH-CN ngày 28/01/2021. Tổng số tiền vay 1.600.000.000đồng, thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày 28/01/2021 đến ngày 28/02/2027, mục đích sử dụng vốn vay : Bù đắp chi phí chuyển nhượng đất ở. Kế hoạch trả nợ : Trả nợ lãi 01 tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng ; Trả nợ gốc được chia làm 06 kỳ hạn trả nợ, mỗi kỳ hạn trả nợ là 12 tháng.

Nợ dư tạm tính đến ngày 12/8/2021 của các hợp đồng tín dụng nêu trên :

+Số tiền gốc quá hạn : 4.100.000.000đồng ;

+Lãi trong hạn 109.196.164đồng ;

+Số tiền nợ lãi quá hạn từ ngày 25/5/2021 đến ngày 12/8/2021 là 17.806.575đồng ;

+Số tiền phạt quá hạn gốc tạm tính đến ngày 12/08/2021 : 8.903.288đồng ;

+Số tiền phạt chậm trả lãi : 1.241.684đồng.

Các tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay trên gồm :

-Quyền sử dụng đất diện tích 147,5m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại số 156 Lý Thường Kiệt, thị trấn C, huyện T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 019298 tại hợp đồng thế chấp số 99/2020/HĐTC ngày 06/7/2020

-Quyền sử dụng đất diện tích 109m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại số 102 Lý Thường Kiệt, thị trấn C, huyện T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 736962 tại hợp đồng thế chấp số 10/2021/HĐTC ngày 28/01/2021.

Đến ngày 27/7/2022 ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N đã thanh toán 02 Hợp đồng : Hợp đồng tín dụng số 99/2020/HĐTDTNLH-CN ngày 07/7/2020 và Hợp đồng tín dụng số 104/2020/HĐTDTNLH-CN ngày 07/7/2020, cùng tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 99/2020/HĐTC ngày 06/7/2020.

Nay Ngân hàng chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Bình Thuận số tiền tại Hợp đồng tín dụng số 10/2021/HĐTDTNLH-CN ngày 28/01/2021 với số tiền gốc 1.600.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/5/2021 đến ngày 02/8/2022 là 242.797.944 (hai trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi bốn đồng).

Và số tiền lãi phát sinh từ ngày 03/8/2022 cho đến khi ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ;

Yêu cầu Tòa án cho kê biên và phát mãi tài sản là Quyền sử dụng diện tích 109m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại số 102 Lý Thường Kiệt, thị trấn C, huyện T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 736962 tại hợp đồng thế chấp số 10/2021/HĐTC ngày 28/01/2021.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu:

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc kiểm sát tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Các bước của quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ, mở phiên họp tiếp nhận, công khai chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 299, Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ Luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức Tín dụng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2009/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Bình Thuận

Buộc ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc và lãi 1.842.797.944 đồng cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Bình Thuận

Về án phí: ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ cho ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N nhưng do ông bà thường xuyên vắng nhà nên không tổng đạt được các thủ tục tố tụng cho ông bà. Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông bà và căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N có nơi cư trú tại khu phố Minh Tân 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Bình Thuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Bình Thuận yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N phải có trách Nợ hoàn trả nợ gốc 1.600.000.000đ và lãi phát sinh cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Đây là tranh chấp phát sinh giữa cá nhân, hộ gia đình với Tổ chức tín dụng tại Ngân hàng được xác định đây là tranh chấp về giao dịch dân sự và thuộc quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn có xuất trình toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến hợp đồng vay vốn giữa Ngân hàng với hộ ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N, cụ thể: tại Hợp đồng tín dụng số 10/2021/HĐTDTNLH-CN ngày 28/01/2021. Tổng số tiền vay 1.600.000.000đồng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/2021/HĐTC ngày 28/01/2021 tại Quyền sử dụng đất diện tích 109m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại số 102 Lý Thường Kiệt, thị trấn C, huyện T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 736962...

[4] Xét cơ sở pháp lý về xác lập các hợp đồng:

Thứ nhất: Hợp đồng tín dụng số 10/2021/HĐTDTNLH-CN ngày 28/01/2021, kèm theo chứng từ liên quan đến việc ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N đề nghị mức vay 1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng), lãi suất 9,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất tôm giống. Hợp đồng tín dụng trên là quan hệ giao dịch ký kết được thực hiện bằng hình thức hợp đồng tín dụng, nhằm mục đích tạo điều kiện có lợi cho các bên, một bên thì thu lợi nhuận từ tiền lãi, một bên có vốn để phục vụ sản xuất phát triển kinh tế gia đình và hợp đồng ký kết được pháp luật công nhận, không trái với quy chế của Tổ chức tín dụng, việc ký kết là sự tự nguyện của các bên không bên nào ràng buộc bên nào. Tuy nhiên, chưa đến thời hạn trả gốc, do hộ ông Tr, bà Nhi đã vi phạm việc trả gốc và lãi theo kỳ nhận nợ. Để đảm bảo cho việc thu hồi nợ nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Bình Thuận làm đơn khởi kiện hộ ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N phải có trách nhiệm hoàn trả nợ cho Ngân hàng tại các hợp đồng tín dụng mà hộ ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N ký kết là có cơ sở.

Thứ hai: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/2021/HĐTC ngày 28/01/2021 đối với Quyền sử dụng đất diện tích 109m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại số 102 Lý Thường Kiệt, thị trấn C, huyện T tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 736962 do UBND huyện T cấp cho ông Giang Tấn Công và bà Đặng Thị Minh Trí đã đăng ký biến động cho bà Đặng Thị N ngày 28/01/2021. Hợp đồng này đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T ký đăng ký thế chấp ngày 29/01/2021, việc ký kết không vi phạm điều cấm mà Bộ Luật dân sự quy định nên đều đảm bảo tính pháp lý nên công nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Bình Thuận kiện yêu cầu ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N cùng trả nợ. Vì cho rằng hai người cùng đứng tên vay vốn, cùng đầu tư sản xuất và cùng thu lợi chung gia đình. Đồng thời các loại tài sản dùng đảm bảo cho việc vay vốn bà Đặng Thị N là người đứng tên quyền sử dụng, cho nên Ngân hàng yêu cầu ông Tr, bà N có trách nhiệm hoàn trả nợ là có căn cứ.

Xét số dư nợ còn lại, tiền lãi phát sinh theo kỳ và các chi phí khác mà Ngân hàng yêu cầu cụ thể: Tại Hợp đồng tín dụng số 10/2021/HĐTDTNLH-CN ngày 28/01/2021, số dư nợ gốc tính đến ngày 02/8/2022 là 1.600.000.000đ (Một tỷ, sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 17/5/2021 đến ngày 02/8/2022 là 242.797.944 (hai trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi bốn đồng).

Việc tính lãi, Ngân hàng đã tính đúng thời gian, đúng mức lãi suất đã điều chỉnh theo phân kỳ được ký kết ghi trong hợp đồng tín dụng mà các Văn bản của hệ

thông Ngân hàng Việt Nam quy định, bao gồm tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và chi phí phát sinh khác phù hợp với quy định của Tổ chức tín dụng và các bên đều thừa nhận.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát về điều luật áp dụng và đưa ra các luận cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

Từ những nhận định nêu trên đủ cơ sở xác định hộ ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N có ký hợp đồng tín dụng như đã phân tích ở trên. Buộc ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Bình Thuận tổng số tiền là: **1.842.797.944đ** (một tỷ, tám trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi bốn đồng)

Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp số 10/2021/HĐTC ngày 28/01/2021 tại Quyền sử dụng đất diện tích 109m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại số 102 Lý Thường Kiệt, thị trấn C, huyện T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 736962 do ông Giang Tấn Công và bà Đặng Thị Minh Trí đứng tên (đã đăng ký biến động sang tên bà Đặng Thị N ngày 28/01/2021) để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Về phần án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 468, Bộ Luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 hướng dẫn quy định về hợp đồng cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng; khoản 2 Điều 92, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2009/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Bình Thuận đối với ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Bình Thuận với tổng số tiền **1.842.797.944đ** (một tỷ, tám trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó số dư nợ gốc **1.600.000.000đ** (Một tỷ, sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 02/8/2022 là **242.797.944đ** (hai trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi bốn đồng). *(Đính kèm bảng kê tính lãi)*

Tr hợp vợ chồng ông Nguyễn Trọng Tr, bà Đặng Thị N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi

tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ: Hợp đồng thế chấp số 10/2021/HĐTC ngày 28/01/2021 tại Quyền sử dụng đất diện tích 109m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại số 102 Lý Thường Kiệt, thị trấn C, huyện T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 736962 do ông Giang Tấn Công và bà Đặng Thị Minh Trí đứng tên (đã đăng ký biến động sang tên bà Đặng Thị N ngày 28/01/2021).

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ theo quyết định trong bản án; Nếu thiếu thì bị đơn tiếp tục trả nợ cho bên nguyên đơn; Nếu dư thì trả lại số tiền dư cho bên bị đơn.

Kể từ ngày 03/8/2022, ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Tr hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

[3] Về án phí: ông Nguyễn Trọng Tr và bà Đặng Thị N phải nộp **67.282.938đ** (sáu mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm ba mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Bình Thuận số tiền **56.100.000đ** (năm mươi sáu triệu, một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003430 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.

[4] Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

Lý Văn Lầy

